TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2019/HS-ST
Ngày: 05-11 -2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Ghên;

Bà Trương Thị Kim Cương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương – là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Trị - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 120/2019/TLST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2019/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Hoàng S, sinh năm ngày 13/01/2001 tại An Giang. Nơi cư trú: Ấp VĐ, xã VT, huyện TB, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Thợ hồ; trình độ văn hoá (học vấn) 8/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không có; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Hữu Ph và bà Lê Kim Ng; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án,Tiền sự: Không có;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/7/2019 cho đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại*: Ông Phạm Ngọc Đ, sinh năm 1985. (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Thôn ĐH, xã CK, huyện TS, tỉnh Bắc Ninh.

Địa chỉ hiện tại: ấp M2, xã MHN, huyện Đ, tỉnh Long An

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Trần Hữu Ph, sinh năm1975.

HKTT: Ấp VĐ, xã VT, huyện TB, tỉnh An Giang

Tạm trú: Ấp M2, xã MHN, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ ngày 11/7/2091, Trần Hoàng S và bạn của S tên Huy (không xác định được nhân thân, lai lịch) đến tiệm game bắn cá không biển hiệu trên đường tỉnh lộ 824 thuộc xã Mỹ Hạnh Nam chơi game, khoảng 22 giờ cùng ngày thì thua hết tiền. Huy rủ S đi tìm tài sản lấy trộm chia nhau tiêu xài, S đồng ý. Sau đó S và Huy đi bộ đến khu dân cư Phúc An City thuộc ấp Mới 2, xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa và leo tường lên sân thượng của khu dân cư đến căn hộ số A1/12 của ông Phạm Ngọc Đ. S đột nhập vào bên trong qua lối cửa sổ, Huy đứng bên ngoài cảnh giới.

Số tài sản mà S và Huy trộm cắp được gồm: 3.500.000 đồng trong túi quần Jean của ông Đại để trên ghế; 01 đồng hồ đeo tay màu vàng; 01 con heo đất màu xanh, 01 con heo đất màu hồng và 01 chuông đồng màu vàng. Sau khi lấy được tài sản, S tự mở cửa sau đi ra ngoài. Cả hai cùng đi bộ trên sân thượng của khu dân cư khoảng 100m rồi dừng lại đập bể 02 con heo đất bên trong mỗi con có 100.000 đồng. Tất cả số tiền lấy được, S chia cho Huy 2.000.000 đồng, S lấy 1.700.000 đồng cùng với đồng hồ và chuông vàng. Sau khi chia tài sản, Huy bỏ đi đâu S không biết. S đem đồng hồ và chuông đồng về phòng trọ cất giấu. Số tiền trộm cắp được đã tiêu xài cá nhân.

Qua tố cáo của ông Đại, cơ quan công an đã mời làm việc, S thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản của ông Đại và đã giao nộp tài sản là chiếc đồng hồ và chuông đồng màu vàng.

Vật chứng thu giữ được là 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Frederique Constant Geneve Classics, loại FC-260WR5B5 màu vàng, dây đeo màu nâu và 01 chuông đồng màu vàng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 69/KL.ĐGTS ngày 30/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đức Hòa kết luận giá trị: 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Frederique Constant Geneve Classics màu vàng, dây đeo màu nâu có giá 9.210.960 đồng; 01 chuông đồng màu vàng đường kính 12,7cm, cao 10cm có giá 1.432.000 đồng; 02 con heo đất mỗi con có giá 24.000 đồng.

Như vậy tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 14.390.960 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu hay ý kiến gì về trách nhiệm dân sự.

Bị hại ông Phạm Ngọc Đ có đơn xin giải quyết vắng mặt, trong quá trình điều tra trình bày: Đêm ngày 11/7/2019 sau khi đi ngủ đến sáng hôm sau ông Đại phát hiện bị mất các tài sản gồm: Số tiền 3.500.000 đồng; 200.000 đồng trong 02 con heo đất; 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Frederique Constant Geneve Classics; 01 chuông đồng màu vàng đường kính 12,7cm, cao 10cm. Các tài sản bị mất là đồng hồ, chuông đồng ông đã nhận lại, đã được gia đình bị cáo bồi thường số tiền 3.700.000 đồng, nay

không có yêu cầu gì thêm. Về trách nhiêm hình sự đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Trần Hữu Ph trình bày: Ông là cha ruột của bị cáo S. Số tiền 3.700.000 đồng là tiền của ông, S đã tác động nhờ ông bồi thường cho ông Đại. Nay ông không yêu cầu bị cáo trả lại cho ông số tiền trên.

Tại cáo trạng số 120/CT-VKSĐH ngày 04/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa truy tố bị cáo Trần Hoàng S về tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng đã truy tố bị cáo S về tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 đồng thời phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cụ thể:

- Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo S phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường về trách nhiệm dân sự cho bị hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các Điểm b, i, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

-Tình tiết tăng nặng: không có.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 173; Các điểm b, i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 tuyên bị cáo Trần Hoàng S phạm tội trộm cắp tài sản.

- Về trách nhiệm hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo S từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và số tiền bồi thường, không có ý kiến hay yêu cầu nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định trên. Từ đó có cơ sở xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Bị hại ông Phạm Ngọc Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Đại đã có lời khai đầy đủ tại cơ quan điều tra nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định Điều 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa, bị cáo S đã khai nhận đầy đủ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã tuy tố, lời khai trên phù hợp với lời khai của bị hại, của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 22 giờ ngày 11/7/2019, tại căn hộ số A1/12 khu dân cư Phúc An City của ông Phạm Ngọc Đ thuộc ấp Mới 2, xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa bị cáo Trần Hoàng S cùng với người tên Huy (không xác định được nhân thân, lai lịch) đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của ông Đại tổng giá trị 14.390.960 đồng, cụ thể gồm: Số tiền 3.700.000 đồng; 02 con heo đất giá trị 48.000 đồng; 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Frederique Constant Geneve Classics giá trị 9.210.960 đồng; 01 chuồng đồng màu vàng giá trị 1.432.000 đồng. Sau khi lấy được tài sản S và Huy đã đập bể 02 con heo đất, số tiền mặt đã chia nhau tiêu xài hết, riêng tài sản là đồng hồ và chuông đồng S mang về cất giấu tại phòng trọ.

Hành vi của S và Huy có tính chất đồng phạm trong đó S thực hiện với vai trò thực hành, Huy thực hiện với vai trò giúp sức nhưng không có sự câu kết chặt chẽ. Hành vi trên được bị cáo S thừa nhận tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa.

Bị cáo Trần Hoàng S là người đã thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo biết rõ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.

Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của ông Đại giá trị tài sản là 14.390.960 đồng và đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo quy định của Bộ luật Hình sự.

Từ đó có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Hoàng S phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa truy tố.

[3] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Xét về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo S thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, ngoài ra bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Từ đó trên cơ sở cân nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa. Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có thể cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và đảm bảo phòng ngừa chung.

[4] Về vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ vật chứng gồm 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Frederique Constant Geneve Classics; 01 chuồng đồng màu vàng đường kính 12,7cm, cao 10cm. Xác định các tài sản này là thuộc sở hữu của ông Đại nên cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Đại là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là ông Đại đã nhận lại tài sản và tiền bồi thường, không có yêu cầu hay ý kiến về trách nhiệm dân sự. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trần Hữu Ph đã bồi thường cho ông Đại số tiền 3.700.000 đồng thay cho bị cáo và không có yêu cầu, ý kiến gì. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Đối với hành vi của người tên Huy cùng bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, trong quá trình điều tra, truy tố cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhân thân, lai lịch của người tên Huy nhưng không có kết quả nên đã có Quyết định tách vụ án số 15 ngày 20/9/2019 là phù hợp.

[7] Về án phí: Bị cáo Trần Hoàng S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173; Các điểm b, i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 136, Điều 329 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Hoàng S phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Trần Hoàng S 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 28/7/2019.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Trần Hoàng S 45 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 05/11/2019) để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Về án phí: Bị cáo Trần Hoàng S phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Hoàng S, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án,

quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Công an huyện Đức hòa;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Tuyết Nhung

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì

ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ thự trong dấu [ ].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau: